

Bản án số: 35/2020/HS-PT
Ngày 26/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Tấn B, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo: **Bùi Tấn B**, sinh năm 1966 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi D và bà Bùi Thị M (*đều đã chết*); có vợ là Nguyễn Thị Phương H (*sinh năm 1985*) và có 03 con (*lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2019*); bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/5/2019 được tại ngoại – Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Vũ Công T không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tấn B: Ông Phạm Văn N, Luật sư của Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 164 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty BK; địa chỉ: Số 02 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Thiên N; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn K; chức vụ: Phó Giám đốc (*theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2020*) – Có mặt.

- Người làm chứng:

Chị Lê Thị Tuyết P – Vắng mặt.

Anh Phạm Thế K – Có mặt.

Anh Lê Minh S – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có chủ trương bồi thường, hỗ trợ Công trình Hạ lưu Nhà máy Thủy điện B, hạng mục: Sạt lở, ngập úng xã Đ đợt 4 năm 2015; chủ đầu tư là Công ty BK; đơn vị thực hiện phương án bồi thường là Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện K (*viết tắt là Trung tâm*). Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho người dân là 6.323.467.510 đồng; kinh phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ là 346.551.000 đồng từ nguồn ngân sách nhà nước. Số tiền trên đã được chủ đầu tư chuyển vào tài khoản của Trung tâm vào các ngày 19/01/2017 và 11/9/2017. Bùi Tấn B là Giám đốc Trung tâm nên biết trong dự toán phê duyệt, Trung tâm được phép thuê 27 chuyến xe ô tô để thực hiện dự án. B soạn 01 bảng kê thời gian và nội dung công việc mà B trực tiếp thực hiện tại xã Đ, huyện K phải thuê xe ô tô, sau đó chỉ đạo anh Phạm Thế K là cán bộ của Trung tâm đến gặp bà Lê Thị Tuyết P nhờ bà P lập 23 hợp đồng thuê xe ô tô, 23 biên bản thanh lý hợp đồng và 01 hóa đơn đỏ, giá trị mỗi chuyến xe là 1.000.000 đồng; mục đích quyết toán không 23/27 chuyến xe được thuê theo dự toán để chiếm đoạt tiền của nhà nước. Căn cứ vào bảng kê mà anh K đưa, bà P đã lập không 23 hợp đồng cho thuê xe, mỗi hợp đồng trị giá 1.000.000 đồng; 23 biên bản thanh lý hợp đồng và 01 hóa đơn đỏ trị giá 23.000.000 đồng ghi ngày 30/12/2016, tất cả các giấy tờ này bà P đều ký vào bên cho thuê xe. Anh K đưa cho bà P 1.000.000 đồng tiền công và 2.300.000 đồng tiền thuế GTGT, đây là tiền B đưa cho anh K để trả cho bà P. Đến khoảng đầu năm 2017, B đưa các giấy tờ trên cho ông Lê Minh S là Kế toán của Trung tâm và chỉ đạo ông S dùng để quyết toán chi phí thuê xe trong dự án. Ngày 24/7/2018, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện K ban hành Thông báo số: 115/TB-TCKH xét duyệt quyết toán chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ Công trình Hạ lưu Nhà máy Thủy điện B, hạng mục: Sạt lở và ngập úng xã Đ đợt 4 năm 2015. Sau khi chủ đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của Trung tâm, B đã chiếm đoạt 23.000.000 đồng chi phí thuê xe ô tô đã lập không trước đó, trong đó đưa cho bà P 3.300.000 đồng, còn lại 19.700.000 đồng B sử dụng tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra còn xác định vào ngày 20/07/2015, Vũ Công T là kế toán của Trung tâm đã tham mưu cho B ký ủy nhiệm chi, chuyển từ tài khoản của Trung tâm sang tài khoản cá nhân của T số tiền 150.000.000 đồng, sau đó T rút tiền mặt nhưng không nhập quỹ của Trung tâm mà sử dụng cho mục đích cá nhân. Đây là tiền bảo hành của 02 công trình đường giao thông N4.1 và N25 được nộp vào tài khoản đơn vị vào năm 2013 và 2014, chỉ được sử dụng để sửa chữa công trình giao thông N4.1 và N25 trong thời gian bảo hành. Tháng 8/2017, T hết hợp đồng lao động và nghỉ việc tại Trung tâm. Ngày 21/09/2017, B chỉ đạo ông Lê Minh S rút 150.000.000 đồng từ nguồn tiền chi phí thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ đợt 4 năm 2015 của Công ty BK để trả tiền bảo hành 02 công trình đường giao thông N4.1 và N25 cho Công ty xây dựng Q vào ngày 25/09/2017.

Ngoài ra, B còn khai nhận trong thời gian làm Giám đốc Trung tâm từ tháng 03/2014 đến tháng 08/2017, có một số công trình do chủ đầu tư chậm chuyển tiền nhưng do yêu cầu công tác nên B đã chỉ đạo cấp dưới và bản thân tạm ứng tiền từ nguồn tạm ứng dự án bồi thường giải phóng mặt bằng thao trường bắn đạn thật của lực lượng vũ trang tỉnh Đắk Nông để chi cho các dự án khác. Đồng thời, B đã chỉ đạo T đưa trực tiếp cho B nhiều lần với số tiền hơn 400.000.000 đồng để chi cho các công trình (*thuê xe đi công tác, tiếp khách*) và tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, các lần T đưa tiền B không ký nhận, không có ai chứng kiến, không nhớ thời gian cụ thể.

Sau khi Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy K tiến hành kiểm tra và kết luận, T đã nộp lại toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Ngày 01/7/2019, B nộp lại số tiền 23.000.000 đồng đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Bùi Tấn B phạm các tội "*Tham ô tài sản*" và "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*"; bị cáo Vũ Công T phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm d khoản 2 Điều 355; điểm b (đối với tội "*Tham ô tài sản*"), điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Tấn B 01 năm 06 tháng tù về tội "*Tham ô tài sản*", 05 năm 06 tháng tù về tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*", tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/5/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Vũ Công T; trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 03/3/2020, bị cáo Bùi Tấn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Tấn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với tội "*Tham ô tài sản*", sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*": Xử phạt bị cáo Bùi Tấn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Tham ô tài sản*", từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù về tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*" và tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Đối với tội "*Tham ô tài sản*", bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đối với tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*", bị cáo không được hưởng lợi từ số tiền 150.000.000 đồng nên đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt ngang với bị cáo Vũ Công T để đảm bảo tính khách quan, công bằng giữa các bị cáo trong vụ án.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh:

Trong quá trình Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện K thực hiện phương án bồi thường dự án Công trình Hạ lưu Nhà máy Thủy điện B, hạng mục: Sạt lở, ngập úng xã Đ đợt 4 năm 2015, Bùi Tấn B với chức vụ là Giám đốc Trung tâm đã lập không 23 hợp đồng thuê xe ô tô đi thực hiện dự án để chiếm đoạt số tiền 23.000.000 đồng. Hành vi của B đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý.

Ngoài ra, vào ngày 20/7/2015, Bùi Tấn B còn ký ủy nhiệm chi cho Vũ Công T chuyển số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản của Trung tâm sang tài khoản của T để T rút tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của B đã vượt quá quyền hạn, làm trái công vụ, giúp sức cho T chiếm đoạt tài sản của nhà nước.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi Tấn B về các tội “*Tham ô tài sản*” và “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 353 và điểm d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Tấn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tội “*Tham ô tài sản*”, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”, Hội đồng xét xử xét thấy: T là người tham mưu cho B ký ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản của Trung Tâm sang tài khoản cá nhân của T; sau khi chuyển tiền, T trực tiếp rút tiền và sử dụng để tiêu xài cá nhân. Như vậy, T là người thực hành tích cực; B với vai trò là Giám đốc Trung tâm nhưng sau khi ký ủy nhiệm chi đã không kiểm tra, để T tự ý sử dụng số tiền trên, hành vi của B đã giúp sức cho T chiếm đoạt tài sản của nhà nước, vai trò của B hạn chế hơn so với T. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt T 03 năm tù cho hưởng án treo nhưng lại xử phạt B 05 năm 06 tháng tù là chưa có sự phân hóa vai trò của các bị cáo, không đảm bảo tính khách quan, công bằng giữa các bị cáo trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do T đã nộp toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả còn B không nộp khoản tiền nào nên xử phạt B mức hình phạt nghiêm khắc hơn là chưa phù hợp, vì T là người chiếm đoạt toàn bộ số tiền, quá trình điều tra T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đưa số tiền chiếm đoạt cho B. Ngoài ra, tại giai đoạn phúc thẩm, B cung cấp thêm đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” nên sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Tấn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Tấn B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Tấn B.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Tấn B 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 355; các điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Tấn B 03 (*ba*) năm tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Tấn B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/5/2019.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (*Vụ GĐKT D*);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CQ CSĐT CA huyện Krông Nô;
- CQ THAHS CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- P. HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- CQ THAHS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo; người bào chữa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa hình sự; Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Ngô Đức Thọ